

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 03 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2019

V/v: *Xin ly hôn.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

2. Bà Lê Hồng Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Mai Xiêng -Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Bạc Thị Thoản- Kiểm sát viên.

Ngày 16-4-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2019/TLST- HNGĐ ngày 05/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 01-4-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T. Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Bản NH, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T. Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản P, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Hiện nay đang bị áp biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở vệ tinh tại bản S, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27/02/2019 và lời khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện TC. Nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 26-6-2012 tại UBND xã TM, huyện TC, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không

thay đổi dẫn đến tình tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay anh T đang bị áp biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở vệ tinh tại bản S, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị T nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu nhau, không thể chia sẻ mọi khó khăn trong cuộc sống nên đã viết đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Tại phiên tòa chị Lò Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lò Văn T.

- *Về con chung*: Trong thời chung sống anh, chị có hai con chung tên là: Lò Thị B- Sinh ngày 02-5-2012 và Lò Anh K- Sinh ngày 24-8-2016. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Do anh Lò Văn T hiện nay đang bị áp biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở vệ tinh tại bản S, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên tại bản tự khai của anh Lò Văn T tại cơ sở vệ tinh tại bản S, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La khai xác nhận:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Lò Thị T đăng ký kết hôn với nhau từ ngày ngày 26-6-2012 tại UBND xã TM, huyện TC, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy và hiện nay bản thân đang bị áp biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở vệ tinh tại bản S, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Nay anh Lò Văn T xác định tình cảm vợ vẫn còn. Chị Lò Thị T xin ly hôn, anh Lò Văn T không nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Lò Văn T thừa nhận đúng như chị T trình bày có hai con chung tên là: Lò Thị B- Sinh ngày 02-5-2012 và Lò Anh K- Sinh ngày 24-8-2016. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K và giao cháu B cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71,72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

- *Về con chung:* Đề nghị xử giao cả hai cháu: Lò Thị B- Sinh ngày 02-5-2012 và Lò Anh K- Sinh ngày 24-8-2016 cho chị Lò Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Lò Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

- *Về án phí:* Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. *Về tố tụng:* Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do anh Lò Văn T hiện đang bị áp biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở vệ tinh tại bản S, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 205 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lò Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La vào ngày 26 tháng 06 năm 2012 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện nay anh T đang bị áp biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở vệ tinh tại bản Sen To, xã Tông Cọ, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T, anh T không nhất trí thuận tình ly hôn, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

[4]. *Về con chung*: Trong thời chung sống anh, chị có hai con chung tên là: Lò Thị B- Sinh ngày 02-5-2012 và Lò Anh K- Sinh ngày 24-8-2016. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của anh T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Anh K và giao cháu B cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị T có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai cháu B và Anh K cho chị T để chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành và những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý và hiện nay cả hai cháu B, Anh K đang ở với chị T. Mặt khác hiện nay anh T đang bị áp biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở vệ tinh tại bản S, xã TC, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La nên anh T không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Chị Lò Thị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

[6]. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Hội đồng xét xử buộc chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Lò Thị B- Sinh ngày 02-5-2012 và Lò Anh K- Sinh ngày 24-8-2016 cho chị Lò Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Lò Văn T

chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC theo biên lai thu số: AA/2016/0001530, ngày 05-3-2019.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lò Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2 bản);
- UBND xã TM, H.TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Chiến

